

Bản án số: 264/2021/DS-PT
Ngày: 10-12-2021
“V/v tranh chấp dân sự-
Đòi lại tài sản;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;
Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh;
Ông Đinh Chí Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 06 năm 2021 về “*Tranh chấp dân sự - Đòi lại tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị T (Tur B), sinh năm 1943.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà T: Ông Lâm Quang L, sinh năm 1962. Địa chỉ: số 115, tổ 5, Ấp Đ, xã M, huyện C, Đồng Tháp;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phước 2, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T1: Bà Trương Thị B, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* ông Nguyễn Thanh T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Lâm Quang L trình bày:**

Bà Lâm Thị T và ông Nguyễn Thanh T1 là chỗ quen biết làng xóm láng giềng với nhau. Vào ngày 22/5/1995 âm lịch, ông T1 có vay của bà T 20 chỉ vàng 24k với lý do làm ăn mua bán, thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng (20 chỉ vàng thì 7 phân/tháng), trả lãi hàng tháng, thời hạn vay đến cuối năm 1995 và đầu năm 1996 (là 06 tháng). Khi đó, có làm biên nhận do ông T1 viết và ký tên. Sau khi vay ông T1 không có trả lãi như đã thỏa thuận. Bà T có đòi nhiều lần nên ông T1 có trả được ½ vốn là 10 chỉ vàng 24k, số vàng vốn còn lại bà T có nhiều lần nhắc nhở nhưng đến nay ông T1 vẫn chưa thanh toán.

Theo đơn khởi kiện, bà Lâm Thị T yêu cầu ông Nguyễn Thanh T1 trả lại số nợ là 10 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, vì nghĩ đến hoàn cảnh gia đình ông T1 khó khăn nên bà T thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu ông T1 trả số tiền tương đương 10 chỉ vàng 24k là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:**

Ông T1 thừa nhận vào ngày 22/5/1995 âm lịch, ông có mượn của vợ chồng bà Lâm Thị T 20 chỉ vàng 24k, thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng (20 chỉ vàng thì 7 phân/tháng). Do ông không trả đúng hạn nên đến ngày 09/5/1999, ông Đặng Văn B là chồng bà T có thưa ông tại Ban nhân dân Ấp về việc không trả lãi đầy đủ. Tại phiên hòa giải ở địa phương ngày 23/9/1999, hai bên thống nhất 30 ngày sau sẽ trả số vàng còn nợ 10 chỉ vàng 24k và thống nhất quy ra giá trị thành tiền của 10 chỉ vàng 24k là 5.200.000 đồng kể từ ngày 23/9/1999. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên đến nay ông T1 vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho vợ chồng bà T như đã thỏa thuận. Hiện tại hoàn cảnh gia đình ông rất khó khăn, không có khả năng trả 20.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T; Nay, khả năng của ông chỉ có thể thống nhất trả cho bà T giá trị 10 chỉ vàng quy ra thành tiền là 8.000.000 đồng.

Nếu bà T không đồng ý thì ông yêu cầu căn cứ vào Điều 429 Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án này. Tính từ thời điểm ký Biên bản hòa giải thành giữa các bên vào năm 1999 đến nay là đã quá thời hiệu khởi kiện.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T.
- Buộc ông Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị T 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về thời hạn chậm thực hiện nghĩa vụ, tuyên về án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:
- + Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.
- + Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lâm Thị T đối với bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 về việc yêu cầu ông T1 trả số vàng đã vay còn nợ nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự - Đòi lại tài sản” là phù hợp với quy định khoản 3 tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T1 là bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T1; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của bà Lâm Thị T và lời thừa nhận của ông Nguyễn Thanh T1 thì xác định được ông T1 có vay vàng của bà T và hiện còn nợ lại 10 chỉ vàng 24k; việc này cũng được thể hiện trong Biên bản hòa giải thành tại Ban nhân dân Ấp (bút lục 06). Căn cứ vào nội dung biên bản hòa giải thành thì ông T1 đã cam kết trong vòng 30 ngày kể từ ngày 23/9/1999 sẽ trả đủ 10 chỉ vàng quy ra thành tiền là 5.200.000đ theo giá vàng thời điểm lúc đó; nhưng ông T1 đã không thực hiện đúng cam kết. Vì vậy, ông T1 phải còn nợ lại bà T là 10 chỉ vàng 24k. Nay ông T1 chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 5.200.000đ là không phù hợp và bà T cũng không đồng ý nên yêu cầu kháng cáo của ông T1 là không có căn cứ.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm giá vàng được niêm yết tại Công ty vàng bạc đá quý là 5.055.000đ/1 chỉ vàng 24k, nhưng bà T chỉ yêu cầu ông T1 trả số tiền được quy đổi của 10 chỉ vàng 24k là 20.000.000đ là có lợi cho ông T1 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

Xét việc kháng cáo của ông T1 cho rằng đến năm 2020 bà T mới khởi kiện là đã hết thời hiệu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định đối với yêu cầu để bảo vệ quyền sở hữu thì việc khởi kiện tranh chấp đòi lại tài sản của bà T không áp dụng thời hiệu, nên không chấp nhận việc ông T1 cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1.

Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Do không chấp nhận yêu cầu của kháng cáo của ông T1 nên ông T1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T1;
2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T;

***Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T.
- Buộc ông Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị T số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 300.000đ; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014904, ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Tháp Mười;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS H. Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Thị Võ Trinh